

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III NĂM 2024



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
9 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

NỘI DUNG	TRANG
Mục lục	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2024	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301447257 ngày 19 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 21 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : +(84) (028) 3846 6888

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2023 với mã giao dịch cổ phiếu là NCG theo Quyết định số 1124/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý (CPC 865));
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Trồng cây mía;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631) Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631) Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631) Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;
- Bán lẻ các hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631) Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp. Chi tiết: Trồng rừng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản, ngoại trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy tính. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn phần mềm và tư vấn hệ thống (CPC 842);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh, ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Chủ tịch	Ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	Thành viên	Ngày 6 tháng 4 năm 2022
Bà Trần Thị Thu Thảo	Thành viên độc lập	Ngày 11 tháng 2 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ủy ban Kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Thu Thảo	Trưởng ban	Ngày 11 tháng 2 năm 2022
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên	Ngày 26 tháng 12 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	Tổng Giám đốc	Ngày 18 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Giám đốc tài chính	Ngày 23 tháng 5 năm 2023

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Phi Tín - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2022).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.079.663.626.498	2.053.080.473.606
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	141.878.545.606	294.901.008.976
111	Tiền		138.878.545.606	277.784.420.933
112	Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	17.116.588.043
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		20.217.058.138	26.200.470.095
121	Chứng khoán kinh doanh		470.095	470.095
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	20.216.588.043	26.200.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.087.365.700.797	945.080.302.111
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	652.366.174.045	578.749.531.609
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4a	131.820.234.456	89.817.891.858
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	551.801.858.242	577.560.520.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	254.883.570.849	251.684.117.466
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(503.506.136.795)	(552.731.758.822)
140	Hàng tồn kho	V.8	791.500.811.028	748.423.338.816
141	Hàng tồn kho		793.665.067.551	753.652.661.689
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.164.256.523)	(5.229.322.873)
150	Tài sản ngắn hạn khác		38.701.510.929	38.475.353.608
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	14.214.156.809	13.814.571.211
152	Thuế Giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		2.968.942.563	2.758.504.517
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.18	21.518.411.557	21.902.277.880

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh		
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.722.015.209.840	1.822.920.105.173
210	Các khoản phải thu dài hạn		290.229.032.689	290.205.606.929
212	Trả trước cho người bán dài hạn	V.4b	152.000.000.000	152.000.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	V.6b	475.229.032.689	475.205.606.929
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	V.7	(337.000.000.000)	(337.000.000.000)
220	Tài sản cố định		907.991.989.496	964.145.667.241
221	Tài sản cố định hữu hình	V.10	776.067.294.452	828.166.182.170
222	Nguyên giá		1.389.189.109.887	1.390.655.308.601
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(613.121.815.435)	(562.489.126.431)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	23.062.455.141	21.404.203.627
225	Nguyên giá		26.005.404.773	22.962.066.127
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.942.949.632)	(1.557.862.500)
227	Tài sản cố định vô hình	V.12	108.862.239.903	114.575.281.444
228	Nguyên giá		161.411.087.207	161.347.837.207
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(52.548.847.304)	(46.772.555.763)
240	Tài sản dở dang dài hạn		85.461.667.845	85.341.746.781
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	85.461.667.845	85.341.746.781
250	Đầu tư tài chính dài hạn		162.373.820.030	165.385.468.426
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.2b	99.586.279.964	102.597.928.360
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2c	68.123.284.778	68.123.284.778
254	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	V.2c	(5.335.744.712)	(5.335.744.712)
260	Tài sản dài hạn khác		275.958.699.780	317.841.615.796
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	187.405.222.254	221.235.273.617
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.14	4.376.057.854	4.282.720.602
269	Lợi thế thương mại	V.15	84.177.419.672	92.323.621.577
270	TỔNG TÀI SẢN		3.801.678.836.338	3.876.000.578.779

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh		
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.815.430.924.597	1.939.275.219.398
310	Nợ ngắn hạn		1.627.549.924.120	1.639.932.217.202
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	233.296.740.593	358.406.105.934
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	32.751.965.362	28.518.943.999
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.18	19.962.510.624	27.123.842.930
314	Phải trả người lao động	V.19	20.104.531.926	21.071.941.092
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	85.711.931.645	35.708.310.506
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		97.678.786	106.297.504
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.21	48.126.609.318	15.980.411.593
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22a	1.181.300.058.701	1.146.258.804.021
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.23a	1.665.802.231	1.665.802.231
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.24	4.532.094.934	5.091.757.392
330	Nợ dài hạn		187.881.000.477	299.343.002.196
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22b	120.724.058.086	234.914.477.483
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.25	61.434.087.279	58.503.034.478
342	Dự phòng phải trả dài hạn	V.23b	5.722.855.112	5.925.490.235
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.986.247.911.741	1.936.725.359.381
410	Vốn chủ sở hữu		1.986.247.911.741	1.936.725.359.381
411	Vốn góp của chủ sở hữu	V.26	1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	V.26	426.598.785.061	426.598.785.061
414	Vốn khác của chủ sở hữu	V.26	(3.772.154.614)	(3.772.154.614)
418	Quỹ đầu tư phát triển	V.26	71.988.693.711	70.988.004.240
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.26	275.069.942.647	224.549.770.748
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		210.534.603.687	1.154.748.538.737
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế kỳ này		64.535.338.960	(930.198.767.989)
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.26	18.519.394.936	20.517.703.946
440	TỔNG NGUỒN VỐN		3.801.678.836.338	3.876.000.578.779



Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm Người lập



TP. HCM, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý 3 năm 2024	Quý 3 năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
					Năm nay	Năm trước	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.186.302.213.183	1.129.397.676.481	3.339.167.262.183	3.408.613.139.897	
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	85.996.281.384	75.095.762.692	235.810.265.728	213.825.024.045	
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.100.305.931.799	1.054.301.913.789	3.103.356.996.455	3.194.788.115.852	
11	Giá vốn hàng bán	VI.3	941.143.850.185	943.974.642.971	2.705.794.119.182	2.875.879.239.127	
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.162.081.614	110.327.270.818	397.562.877.273	318.908.876.725	
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	16.168.216.364	12.988.013.925	35.947.069.610	39.438.220.069	
22	Chi phí tài chính	VI.5	10.761.696.391	55.902.713.691	79.380.883.075	157.755.043.634	
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		21.217.453.655	25.808.841.964	65.433.224.098	80.381.915.884	
24	Phản lãi trong công ty liên doanh, liên kết	V.2b	6.501.681.179	6.827.992.938	21.243.172.690	20.199.652.275	
25	Chi phí bán hàng	VI.6	72.507.019.696	88.823.474.810	183.313.192.358	167.496.629.997	
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	47.222.700.139	39.982.643.164	88.377.471.805	124.686.749.246	
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		51.340.562.931	(54.565.553.984)	103.681.572.335	(71.391.673.808)	
31	Thu nhập khác	VI.8	330.150.254	1.288.277.691	2.171.781.224	2.520.468.706	
32	Chi phí khác	VI.9	82.632.709	1.084.876.458	3.380.183.490	22.248.935.140	
40	Lợi nhuận khác		247.517.545	203.401.233	(1.208.402.266)	(19.728.466.434)	
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		51.588.080.476	(54.362.152.751)	102.473.170.069	(91.120.140.242)	
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.18	7.664.374.344	6.857.691.841	22.703.477.565	31.973.221.725	
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	V.14,V.25	1.293.142.950	(17.740.593.478)	2.837.715.549	(48.593.039.629)	
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		42.630.563.182	(43.479.251.114)	76.931.976.955	(74.500.322.338)	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Quý 3 năm 2024	Quý 3 năm 2023	Năm nay / Năm trước
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		39.483.516.306	(50.643.092.276)	64.535.338.960 (74.006.791.389)
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		3.147.046.876	7.163.841.162	12.396.637.995 (493.530.949)
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	330	(423)	539 (618)
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	330	(423)	539 (618)



TP. HCM, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm Người lập

Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>		102.473.170.069	(91.120.140.242)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại		74.603.897.799	88.467.721.478
03	Các khoản dự phòng		(52.493.323.500)	(5.231.037.926)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		680.814.283	14.888.625.248
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(48.580.839.389)	14.055.583.438
06	Chi phí lãi vay		65.433.224.098	80.381.915.884
08	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>		142.116.943.360	101.442.667.880
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(134.173.360.154)	22.823.926.609
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(40.012.405.862)	90.109.742.834
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(33.524.316.372)	(50.082.121.265)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		33.430.465.765	19.165.107.552
14	Tiền lãi vay đã trả		(44.778.670.472)	(77.093.537.654)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(33.026.029.021)	(30.347.211.891)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.550.746.281)	(15.894.951.503)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		(125.518.119.037)	60.123.622.562
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(15.545.901.648)	(44.928.180.040)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		5.209.702.763	1.453.285.388
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(235.516.588.043)	(241.659.520.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		267.258.661.758	201.210.197.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	129.555.694.854
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		43.811.046.733	44.260.673.768
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		65.216.921.563	89.892.150.970

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.451.084.797.102	2.521.725.815.659
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.527.700.292.422)	(2.594.220.332.155)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(3.583.669.397)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.473.423.414)	(73.551.585.534)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(92.672.588.131)</i>	<i>(146.046.102.030)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(152.973.785.605)	3.969.671.502
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	294.901.008.976	177.059.895.437
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(48.677.765)	104.944.501
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	<u>141.878.545.606</u>	<u>181.134.511.440</u>

TP. HCM, ngày 25 tháng 10 năm 2024



Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm Người lập



Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý); sản xuất và kinh doanh thuốc thú y, thuốc thủy sản, thuốc sát trùng; kinh doanh vắc-xin thú y; sản xuất, kinh doanh và gia công các loại thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản; chế biến các sản phẩm cồn và CO₂; kinh doanh thương mại bán buôn các sản phẩm nông nghiệp; bán lẻ lương thực, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của các công ty trong Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 12 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			%	%	%	%
Công ty Cổ phần Anova Feed	Cụm công nghiệp Tập đoàn Anova, Ấp 4, xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh và gia công các loại thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản	99,99	99,99	99,99	99,99
Công ty Cổ phần Anova Biotech	315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Mua bán thuốc thú y, vắc-xin thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thuốc thú y thủy sản	99,80	99,80	99,80	99,80
Công ty Cổ phần Anova Farm	315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chăn nuôi gia súc	99,84	99,84	99,84	99,84
Công ty Cổ phần Anova Pharma	Cụm Công nghiệp Tập đoàn Anova, xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Mua bán, sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, thủy tinh, kính doanh bất động sản	99,67	99,67	99,67	99,67
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Mua bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, nguyên phụ liệu thức ăn gia súc, hóa chất	99,56	99,56	99,56	99,56
Tổng Công ty Mía đường II - Công ty Cổ phần	54 - 56 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Chế biến các sản phẩm còn, CO2; kinh doanh thương mại bán buôn các sản phẩm nông nghiệp	94,96	94,96	94,96	94,96
Công ty Cổ phần Anova Tech	315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh thuốc thú y, thuốc thú y sản và các loại hóa chất, phụ gia thức ăn gia súc	85,83	85,83	85,83	85,83

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			%	%	%	%
Công ty Liên doanh TNHH Anova	36 Đại lộ Độc lập, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất chất bổ sung cho thức ăn trong chăn nuôi và thủy sản, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn nguyên liệu, thành phẩm thuốc thú y	57,00	57,00	57,00	57,00
Công ty TNHH Thực phẩm Mặt Trời Mộc	5.07 Khu chung cư kết hợp thương mại, văn phòng lô X (Sunrise City North), 27 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm	99,89	99,89	99,89	99,89
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm ⁽ⁱ⁾	Lô M, Đường số 10, Cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn, xã Lợi Bình Nhơn, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	99,30	99,42	99,30	99,42
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages	5.07 Khu chung cư kết hợp thương mại, văn phòng lô X (Sunrise City North), 27 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	99,998	99,998	99,998	99,998
Công ty Cổ phần HKV ⁽ⁱⁱ⁾	65 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm cà phê, trà	98,87	98,87	98,87	98,87

⁽ⁱ⁾ Đây là công ty con trực tiếp của Công ty TNHH Thực phẩm Mặt Trời Mộc.

⁽ⁱⁱ⁾ Đây là công ty con trực tiếp của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5c. Danh sách các công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			%	%	%	%
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie	Số 2/3 Khu phố 4, đường Tăng Nhơn Phú, phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất thuốc thú y, thuốc sát trùng phục vụ ngành chăn nuôi	30,01	30,01	30,01	30,01
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VET VA CO	Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh thuốc thú y, xuất nhập khẩu thuốc thú y	23,84	23,84	23,84	23,84
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa ⁽ⁱ⁾	Khu vực 1, thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất và buôn bán đường ăn	20,66	20,66	21,76	21,76

⁽ⁱ⁾ Đây là công ty liên kết trực tiếp của Tổng Công ty Mía đường II – Công ty Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.934 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.911 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Đối với ngành nông nghiệp, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được dùng để tập hợp tổng chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của các hoạt động nuôi trồng, chế biến sản phẩm hoặc dịch vụ nông nghiệp, được hạch toán chi tiết theo ngành kinh doanh nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, chế biến...), theo địa điểm phát sinh chi phí (phân xưởng, đội sản xuất...), chi tiết theo từng loại cây con và từng loại sản phẩm, từng sản phẩm hoặc dịch vụ. Đối với chi phí chăn nuôi, được hạch toán chi tiết cho từng loại hoạt động chăn nuôi (như chăn nuôi bò, chăn nuôi lợn, chăn nuôi gà...), theo từng nhóm hoặc từng loại gia súc, gia cầm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí vật nuôi, tiền thuê đất trả trước, phí cơ sở hạ tầng và công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Vật nuôi

Chi phí vật nuôi và heo giống không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng

Tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (40 - 44 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ngày ghi nhận ban đầu chỉ được ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 52
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 08
Cây lâu năm, gia súc	04 - 16
Tài sản cố định khác	03 - 05

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	04 - 15

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn bao gồm quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 (tức ngày 01 tháng 7 năm 2004) và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian giao đất (42 - 44,8 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

17. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng trợ cấp thôi việc.

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng nửa tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho một năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

18. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

23. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	35.025.244.587	35.987.413.421
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	103.853.301.019	241.797.007.512
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng trở xuống)	3.000.000.000	17.116.588.043
Cộng	141.878.545.606	294.901.008.976

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn gốc trên 3 tháng và không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2%/năm đến 4,9%/năm.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 19.816.588.043 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (số đầu năm là 25.800.000.000 VND) (Thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie (*)	14.821.385.049	54.541.178.608	14.821.385.049	57.552.827.004
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VET VA CO (**)	28.733.839.420	1.489.876.887	28.733.839.420	1.489.876.887
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	-	-	-	-
Cộng	43.555.224.469	56.031.055.495	43.555.224.469	59.042.703.891
				102.597.928.360

(*) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie 14.821.385.049 VND, tương đương 30,01% vốn điều lệ.

(**) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương VET VA CO 8.584.000.000 VND, tương đương 23,84% vốn điều lệ, với giá phí khoản đầu tư là 28.733.839.420 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie	72.374.212.053	21.243.172.690	(24.254.821.086)	69.362.563.657
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VET VA CO	30.223.716.307	-	-	30.223.716.307
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	-	-	-	-
Cộng	102.597.928.360	21.243.172.690	(24.254.821.086)	99.586.279.964

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie		
Cung cấp dịch vụ	216.000.000	216.000.000
Bán hàng hóa	29.321.587.309	28.156.713.100
Mua hàng hóa	8.287.952.588	6.073.462.248
Cổ tức nhận được	24.254.821.086	25.706.037.195
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VET VA CO		
Bán hàng hóa	-	552.381.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Navetco	33.530.784.778	-	33.530.784.778	-
Tổng Công ty Mía đường I – Công ty Cổ phần	34.592.500.000	(5.335.744.712)	34.592.500.000	(5.335.744.712)
Cộng	68.123.284.778	(5.335.744.712)	68.123.284.778	(5.335.744.712)

Giá trị hợp lý

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương NAVETCO được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom). Giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định là bình quân giá giao dịch trong 30 ngày có giao dịch gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần do không có giá niêm yết và chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	4.994.925.870	3.303.454.010
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie	4.994.925.870	3.303.454.010
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	647.371.248.175	575.446.077.599
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution	289.896.402.562	247.569.880.202
Công ty Cổ phần In Holdings	58.738.000.000	58.738.000.000
Công ty Cổ phần Nova Safe Meat	2.228.890.500	40.442.509.540
Các khách hàng khác	296.507.955.113	228.695.687.857
Cộng	652.366.174.045	578.749.531.609

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng (Thuyết minh số V.22).

4. Trả trước cho người bán

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Enerfo Pte., Ltd.	34.620.518.710	20.033.382.626
Bunge S.A	30.906.500.500	16.572.929.600
Archer Daniels Midland Company	29.321.811.068	-
Các nhà cung cấp khác	36.971.404.178	53.211.579.632
Cộng	131.820.234.456	89.817.891.858

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Khoản ứng trước của Công ty Cổ phần Anova Pharma cho Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution theo Hợp đồng nguyên tắc số 0111/HTPP-AFF/2022 ngày 01 tháng 11 năm 2022 về phân phối hàng hóa, phát triển sản phẩm và phát triển hệ thống phân phối với thời hạn kể từ ngày ký đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2028 theo Phụ lục số 01 ngày 28 tháng 12 năm 2023.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho Công ty Cổ phần Cụm Công Nghiệp Anova vay Lãi suất 6%-7%/năm	536.601.858.242	554.860.520.000
Cho Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution vay Lãi suất 10%/năm	-	10.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần Nova Safe Meat vay Lãi suất 10%/năm	-	6.500.000.000
Cho Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương vay Lãi suất 5,5%-6%/năm	6.200.000.000	6.200.000.000
Cho Công ty Cổ phần Phát Triển Nam Kỳ vay Lãi suất 7,5%/năm	9.000.000.000	-
Cộng	551.801.858.242	577.560.520.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	24.254.821.086	-	-	-
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.254.821.086	-	-	-
Phải thu tổ chức và cá nhân khác	230.628.749.763	(1.934.273.970)	251.684.117.466	(10.099.273.970)
Tạm ứng	40.057.173.586	-	45.421.491.547	-
Các khoản đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn (*)	131.007.940.000	-	130.809.422.000	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.027.500.000	-	1.027.500.000	-
Lãi cho vay và lãi tiền gửi dự thu	33.786.764.367	(297.013.696)	42.950.215.988	(297.013.696)
Phải thu các khoản bồi thường, vi phạm hợp đồng	5.457.534.247	(1.637.260.274)	22.057.672.604	(9.802.260.274)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	19.291.837.563	-	9.417.815.327	-
Cộng	254.883.570.849	(1.934.273.970)	251.684.117.466	(10.099.273.970)

(*) Trong đó, Công ty Cổ phần Anova Pharma đã đặt cọc 130.000.000.000 VND để mua lại 100% phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Tiêu dùng đang sở hữu 99,92% tại Công ty Cổ phần Nova Nutrition & Wellness theo Thỏa thuận mua bán phần vốn góp ngày 20 tháng 12 năm 2022. Thời gian thực hiện được gia hạn đến ngày 19 tháng 12 năm 2024 theo Phụ lục số 01 ngày 15 tháng 12 năm 2023.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	337.000.000.000	(337.000.000.000)	337.000.000.000	(337.000.000.000)
Khác (**)	138.229.032.689	-	138.205.606.929	-
Cộng	475.229.032.689	(337.000.000.000)	475.205.606.929	(337.000.000.000)

(*) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Nova Beverages chuyển cho Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01032022/HTKD/NVB-NVD ngày 29 tháng 3 năm 2022. Thời hạn hợp tác là 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng này. Kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân chia theo tỷ lệ thỏa thuận quy định trong hợp đồng và được thanh toán cuối thời hạn hợp tác cùng với hoàn trả tiền góp vốn đầu tư. Do triển vọng thu hồi thấp từ kết quả kinh doanh dự phóng của dự án, Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Nova Beverages đã quyết định lập dự phòng toàn bộ số dư phải thu hợp tác đầu tư này trong năm 2023 theo nguyên tắc thận trọng. Trong kỳ, chưa có thay đổi đáng kể nào liên quan đến tình hình hoạt động và kết quả hợp tác kinh doanh.

(**) Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn chủ yếu phục vụ cho mục đích thuê trại chăn nuôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Phải thu về cho vay</i>				
Công ty Cổ phần Cụm công nghiệp Anova	Từ 06 tháng đến 02 năm	487.306.858.242	Từ 01 tháng đến 02 năm	527.977.520.000
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đại Nam Ong Biển	Từ 02 năm đến 03 năm	6.910.000.000	Từ 02 năm đến 03 năm	6.910.000.000
Công ty TNHH Liên doanh TopCake	Trên 03 năm	3.197.700.000	Trên 03 năm	3.197.700.000
Ông Lê Hồng Phong	Trên 03 năm	2.165.989.841	Trên 03 năm	2.165.989.841
Các khách hàng khác	Trên 06 tháng	2.870.824.655	Trên 06 tháng	3.079.838.162
<i>Trả trước cho nhà cung cấp</i>				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Quốc tế	Trên 03 năm	2.033.699.200	Trên 03 năm	2.033.699.200
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Mía đường La Ngà	Từ 06 tháng đến 02 năm	5.457.534.247	Từ 06 tháng đến 02 năm	21.787.534.247
Các đối tượng khác	Từ 01 năm đến 02 năm	594.027.392	Từ 01 năm đến 02 năm	594.027.392
<i>Phải thu dài hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution				
Cộng		337.000.000.000		337.000.000.000
		847.536.633.577		904.746.308.842
		7.030.496.782		15.014.550.020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	552.731.758.822	337.000.000.000	889.731.758.822
Trích lập dự phòng	1.265.086	-	1.265.086
Hoàn nhập dự phòng	(49.226.887.113)	-	(49.226.887.113)
Số cuối kỳ	503.506.136.795	337.000.000.000	840.506.136.795

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	25.114.279.090	-	13.001.841.233	-
Nguyên liệu, vật liệu	283.242.285.231	(293.290.730)	256.237.711.593	(4.364.846.746)
Công cụ, dụng cụ	9.140.657.701	(49.574.276)	10.373.886.756	(49.574.275)
Chi phí SXKD dở dang	376.891.949.320	-	422.884.684.435	-
Thành phẩm	26.015.424.179	(123.489.826)	27.463.958.678	(193.412.288)
Hàng hoá	73.260.472.030	(1.697.901.691)	23.690.578.994	(621.489.564)
Cộng	793.665.067.551	(2.164.256.523)	753.652.661.689	(5.229.322.873)

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho cuối kỳ đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số V.22).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.229.322.873	4.489.776.787
Tăng dự phòng	2.458.157.865	1.401.515.296
Hoàn nhập dự phòng	(5.523.224.215)	(3.879.945.048)
Số cuối kỳ	2.164.256.523	2.011.347.035

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.624.584.879	3.019.183.623
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.589.571.930	10.795.387.588
Cộng	14.214.156.809	13.814.571.211

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vật nuôi	83.979.800.979	98.130.537.216
Tiền thuê đất trả trước	56.451.311.921	57.864.434.825
Phí cơ sở hạ tầng	40.511.358.885	41.465.721.243
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.036.542.163	1.592.495.354
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.426.208.306	22.182.084.979
Cộng	187.405.222.254	221.235.273.617

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, gia súc	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Số đầu năm	622.853.628.550	670.706.668.266	46.272.718.516	34.019.848.583	10.822.855.906	5.979.588.780	1.390.655.308.601
Mua trong kỳ	2.732.445.000	8.453.230.248	1.253.637.754	-	441.738.965	-	12.881.051.967
Đầu tư XDCB hoàn thành	67.215.402	226.172.727	-	-	-	-	293.388.129
Thanh lý, nhượng bán	(66.636.200)	(8.007.553.850)	(1.565.297.978)	(161.100.750)	(4.805.741.850)	(34.308.182)	(14.640.638.810)
Phân loại lại	(3.525.163.942)	2.114.584.743	9.602.325	723.075.867	1.996.055.927	(1.318.154.920)	-
Số cuối kỳ	622.061.488.810	673.493.102.134	45.970.660.617	34.581.823.700	8.454.908.948	4.627.125.678	1.389.189.109.887
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.959.071.919	95.240.159.497	10.440.884.031	10.359.327.975	393.163.667	1.608.877.227	132.001.484.316
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	206.519.453.117	297.773.059.412	27.296.289.433	22.353.612.142	4.834.402.800	3.712.309.527	562.489.126.431
Khấu hao trong kỳ	20.586.618.689	31.183.836.766	2.185.158.720	1.927.895.630	3.223.943.682	188.863.734	59.296.317.221
Thanh lý, nhượng bán	(66.636.200)	(3.921.721.417)	(1.565.297.978)	(161.100.750)	(2.914.563.690)	(34.308.182)	(8.663.628.217)
Phân loại lại	(3.303.827.231)	998.679.105	225.873.755	1.481.666.923	1.233.966.821	(636.359.373)	-
Số cuối kỳ	223.735.608.375	326.033.853.866	28.142.023.930	25.602.073.945	6.377.749.613	3.230.505.706	613.121.815.435
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	416.334.175.433	372.933.608.854	18.976.429.083	11.666.236.441	5.988.453.106	2.267.279.253	828.166.182.170
Số cuối kỳ	398.325.880.435	347.459.248.268	17.828.636.687	8.979.749.755	2.077.159.335	1.396.619.972	776.067.294.452
Trong đó:							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 662.968.144.034 VND (số đầu năm là 550.717.367.463 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (Thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính là các máy móc thiết bị. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	22.962.066.127	1.557.862.500	21.404.203.627
Thuê tài chính trong kỳ	3.043.338.646		
Khấu hao trong kỳ		1.385.087.132	
Số cuối kỳ	26.005.404.773	2.942.949.632	23.062.455.141

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Thương hiệu	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	98.148.465.106	19.865.372.101	43.334.000.000	161.347.837.207
Mua trong kỳ	-	63.250.000	-	63.250.000
Phân loại lại	(53.600.000)	53.600.000	-	-
Số cuối kỳ	98.094.865.106	19.982.222.101	43.334.000.000	161.411.087.207
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	15.044.728.050	-	15.044.728.050
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	23.681.799.032	16.590.656.731	6.500.100.000	46.772.555.763
Khấu hao trong kỳ	1.731.963.186	794.278.355	3.250.050.000	5.776.291.541
Phân loại lại	(53.600.000)	53.600.000	-	-
Số cuối kỳ	25.360.162.218	17.438.535.086	9.750.150.000	52.548.847.304
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	74.466.666.074	3.274.715.370	36.833.900.000	114.575.281.444
Số cuối kỳ	72.734.702.888	2.543.687.015	33.583.850.000	108.862.239.903
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 72.734.702.888 VND (số đầu năm là 74.466.666.074 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (Thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định và giảm khác trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	18.900.000	(18.900.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	65.111.028.597	467.749.068	(347.828.004)	65.230.949.661
- Công trình mở rộng dây chuyền nhà máy Long An	43.128.097.087	-	-	43.128.097.087
- Công trình Nhà máy đường ăn kiêng Phú Yên	20.704.671.635	63.000.000	-	20.767.671.635
- Các công trình khác	1.278.259.875	404.749.068	(347.828.004)	1.335.180.939
Quyền nghỉ dưỡng	20.230.718.184	-	-	20.230.718.184
Cộng	85.341.746.781	486.649.068	(366.728.004)	85.461.667.845

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lợi nhuận chưa thực hiện. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.282.720.602	4.918.193.161
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	93.337.252	(437.930.700)
Số cuối kỳ	<u>4.376.057.854</u>	<u>4.480.262.461</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

14b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	48.539.929.242	11.933.242.161
Chi phí lãi vay chưa được trừ ⁽ⁱ⁾	48.539.929.242	11.933.242.161
Lỗi tính thuế ⁽ⁱⁱ⁾	448.427.279.771	355.557.261.835
Cộng	496.967.209.013	367.490.503.996

⁽ⁱ⁾ Chi tiết chi phí lãi vay chưa được trừ như sau:

Năm 2022	5.303.136.337
Năm 2023	40.303.364.290
9 tháng năm 2024	2.933.428.615
Cộng	48.539.929.242

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

⁽ⁱ⁾ Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

Năm 2019	1.655.857.043
Năm 2020	94.806.448.961
Năm 2021	40.122.437.484
Năm 2022	124.243.969.489
Năm 2023	73.428.617.254
9 tháng năm 2024	114.169.949.540
Cộng	448.427.279.771

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

15. Lợi thế thương mại

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	108.616.025.387	16.292.403.810	92.323.621.577
Phân bổ trong kỳ		8.146.201.905	
Số cuối kỳ	108.616.025.387	24.438.605.715	84.177.419.672

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	1.731.936.468	1.370.849.309
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	1.731.936.468	1.370.849.309
Phải trả nhà cung cấp khác	231.564.804.125	357.035.256.625
Bunge Asia Pte., Ltd.	-	52.530.925.026
Các nhà cung cấp khác	231.564.804.125	304.504.331.599
Cộng	233.296.740.593	358.406.105.934

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Kim Hà Việt	19.102.925.000	19.102.925.000
Các khách hàng khác	13.649.040.362	9.416.018.999
Cộng	32.751.965.362	28.518.943.999

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng hóa nội địa	8.534.984.433	-	4.917.969.389	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.248.141.454	21.018.065.272	20.596.165.908	21.053.477.765
Thuế thu nhập cá nhân	874.801.064	140.764.540	1.523.678.822	236.272.967
Tiền thuê đất	111.825.000	-	-	-
Các loại thuế khác	192.758.673	359.581.745	86.028.811	612.527.148
Cộng	19.962.510.624	21.518.411.557	27.123.842.930	21.902.277.880

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thức ăn chăn nuôi	Không chịu thuế
- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Hàng nông sản, thuốc chữa bệnh, phòng bệnh thú y	5%
- Hàng hóa khác bán trong nội địa ^(*)	10%

(*) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến 30 tháng 6 năm 2024 Tập đoàn áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ hướng dẫn nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến 31 tháng 12 năm 2024 Công ty áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty Cổ phần Anova Feed – Trụ sở chính được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi với thuế suất ưu đãi 17%. Công ty Cổ phần Anova Feed – Chi nhánh Đồng Nai và Công ty Cổ phần Anova Feed – Chi nhánh Hưng Yên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong bốn năm tiếp theo.
- Công ty Liên doanh TNHH Anova: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 9804265147 ngày 23 tháng 3 năm 2020 do Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất các chất bổ sung cho thức ăn trong chăn nuôi và thủy sản với thuế suất 15% hàng năm, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi kinh doanh có lãi.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Anova Feed	11.711.171.370	19.573.658.999
Công ty Cổ phần Anova Biotech	3.215.182.151	3.831.901.765
Công ty Cổ phần Anova Tech	87.982.158	106.137.061
Công ty Liên doanh TNHH Anova	3.963.710.807	3.945.288.755
Công ty Cổ phần Anova Pharma	1.623.910.354	4.022.895.246
Công ty Cổ phần Thành Nhơn	2.101.520.725	-
Các công ty khác	-	493.339.899
Cộng	22.703.477.565	31.973.221.725

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả cho nhân viên các Công ty trong Tập đoàn.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu thương mại	42.269.022.916	14.926.230.273
Chi phí lãi vay phải trả	9.180.225.554	4.401.050.578
Chi phí hoa hồng đại lý	2.371.995.127	3.400.252.276
Tiền thuê đất	2.901.267.133	2.457.887.833
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	28.989.420.915	10.522.889.546
Cộng	85.711.931.645	35.708.310.506

21. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	18.701.989.648	13.846.287.036
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	29.424.619.670	2.134.124.557
Cộng	48.126.609.318	15.980.411.593

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vay và nợ thuê tài chính

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	921.612.154.021	2.442.122.797.102	-	-	(2.423.561.142.422)	940.173.808.701
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	10.420.000.000	6.500.000.000	-	-	-	16.920.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	2.200.000.000	-	-	-	(2.200.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	212.026.650.000	-	111.218.750.000	2.900.000.000	(101.939.150.000)	224.206.250.000
Cộng	1.146.258.804.021	2.448.622.797.102	111.218.750.000	2.900.000.000	(2.527.700.292.422)	1.181.300.058.701

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn các tổ chức khác	221.306.250.000	-	(111.218.750.000)	(1.850.000.000)	-	108.237.500.000
Nợ thuê tài chính	13.608.227.483	2.462.000.000	-	-	(3.583.669.397)	12.486.558.086
Cộng	234.914.477.483	2.462.000.000	(111.218.750.000)	(1.850.000.000)	(3.583.669.397)	120.724.058.086

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	940.173.808.701	921.612.154.021
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch ⁽ⁱ⁾	515.340.523.355	323.070.132.761
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	35.285.503.278	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	300.059.402.688	272.685.041.658
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	48.184.925.714	59.191.139.130
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas (Việt Nam) ^(v)	-	164.246.480.255
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam) ^(vi)	41.303.453.666	62.419.360.217
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	16.920.000.000	10.420.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova ^(vii)	10.420.000.000	10.420.000.000
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution ^(viii)	6.500.000.000	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	2.200.000.000
Ông Bùi Phan Phú Lộc ^(ix)	-	2.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	224.206.250.000	212.026.650.000
Deutsch Investitions - Und Entwicklungsgesellschaft MBH (Thuyết minh số V.22b)	224.206.250.000	212.026.650.000
Cộng	1.181.300.058.701	1.146.258.804.021

⁽ⁱ⁾ Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch bao gồm:

- Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 550.000.000.000 VND với lãi suất từ 4%/năm đến 4,9%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 550.000.000.000 VND, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho; quyền thu nợ phải thu của Công ty Cổ phần Anova Feed cùng với vật nuôi, máy móc thiết bị, bất động sản có tổng giá trị không thấp hơn số dư vay nợ (Thuyết minh số V.3, V.8, V.10 và V.12).
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Biotech với lãi suất 7%/năm đến 8,3%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng từ ngày giải ngân và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 20.000.000.000 VND, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho, quyền thu nợ phải thu tương ứng hình thành từ vốn vay (Thuyết minh số V.3 và V.8).
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Pharma với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 20.000.000.000 VND với lãi suất khoảng 7%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 20.000.000.000 VND, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho, khoản phải thu tối thiểu bằng dư nợ (Thuyết minh số V.3, V.8 và V.10).
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Thành Nhơn với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 100.000.000.000 VND với lãi suất 4,8%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 100.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 40.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng bất động sản tại Nhà máy Xuxifarm tại tỉnh Long An, hợp đồng tiền gửi và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa Ốc No Va phát hành, thuộc sở hữu của bên thứ ba.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn bao gồm:
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 332.000.000.000 VND với lãi suất từ 5%/năm đến 7,5%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 332.000.000.000 VND, Quyền sử dụng đất, hàng hóa, và TSCĐ của nhà máy ở Trụ sở chính; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Anova Pharma – một công ty thành viên thuộc Tập đoàn và Quyền thu nợ phải thu của Công ty Cổ phần Anova Feed với giá trị cao nhất 150.000.000.000 VND (Thuyết minh số V.3, V.8, V.10 và V.12).
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm có hạn mức 35.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng 900.000 cổ phiếu NVL do Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va phát hành. Khoản vay này đã được tất toán trong kỳ.
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Pharma với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 20.000.000.000 VND với lãi suất từ 7%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị và bất động sản (Thuyết minh số V.10 và V.12).
- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh bao gồm:
- Khoản vay của Công ty Liên doanh TNHH Anova với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 100.000.000.000 VND với lãi suất từ 4,7%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị và bất động sản tại Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương (Thuyết minh số V.10 và V.12).
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Thành Nhơn với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 70.000.000.000 VND với lãi suất từ 4,7%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 70.000.000.000 VND.
- (v) Vay Ngân hàng TNHH MTV United Overseas (Việt Nam) bao gồm:
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed với mục đích tài trợ vốn lưu động có hạn mức 100.000.000.000 VND với lãi suất từ 3,5%/năm đến 5,5%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 100.000.000.000 VND, hàng tồn kho và quyền đòi nợ với tổng giá trị 100.000.000.000 VND. Khoản vay này đã được tất toán trong kỳ.
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Farm với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 50.000.000.000 VND với lãi suất từ 4,6%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 50.000.000.000 VND và 30% dư nợ vay tại mọi thời điểm được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn. Khoản vay này đã được tất toán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Khoản vay của Công ty Cổ phần Thành Nhơn với mục đích tài trợ vốn lưu động có hạn mức 50.000.000.000 VND với lãi suất từ 4,3%/năm đến 8%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 50.000.000.000 VND. Khoản vay này đã được tắt toán trong kỳ.
- (vi) Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam) bao gồm:
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Biotech với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 800.000 USD với lãi suất từ 6,3%/năm đến 7%/năm. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 800.000 USD (giá trị bảo đảm sẽ được quy đổi thành VND tại thời điểm phát sinh sự kiện).
 - Khoản vay của Công ty Liên doanh TNHH Anova với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 800.000 USD với lãi suất từ 4,8%/năm đến 7,3%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 800.000 USD. Khoản vay này đã được tắt toán trong kỳ.
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Farm với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 28.000.000.000 VND với lãi suất từ 6,5%/năm đến 7%/năm thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tương ứng với 30% dư nợ (xem thuyết minh số V.2a) và Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 28.000.000.000 VND.
- (vii) Khoản vay tín chấp của Công ty TNHH Thực phẩm Mặt Trời Mộc tại Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova, thời hạn vay là 2 năm và được gia hạn với lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,7%/năm.
- (viii) Khoản vay tín chấp của Công ty Cổ phần HKV tại Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution với mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn tối đa 3 tháng với lãi suất từ 6%/năm.
- (ix) Khoản vay Ông Bùi Phan Phú Lộc – là bên liên quan để bổ sung vốn lưu động, lãi suất 9,0%/năm. Khoản vay này đã được tắt toán trong kỳ.
- Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn tổ chức	108.237.500.000	221.306.250.000
Deutsch Investitions - Und Entwicklungsgesellschaft MBH ⁽ⁱ⁾	108.237.500.000	221.306.250.000
Nợ thuê tài chính	12.486.558.086	13.608.227.483
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	10.298.118.086	13.608.227.483
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.188.440.000	-
Cộng	120.724.058.086	234.914.477.483

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- 0) Vay Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH, một tổ chức tín dụng thành lập ở Đức, bao gồm:
- Khoản vay bằng USD của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền 17.500.000 USD theo hợp đồng ký ngày 07 tháng 10 năm 2021 để phục vụ cho hoạt động đầu tư mở rộng kinh doanh trung và dài hạn. Khoản vay đáo hạn trong năm 2026 với lãi suất 5,75%/năm cộng với lãi suất LIBOR 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Công ty Cổ phần Anova Farm, Công ty Cổ phần Anova Pharma, Công ty Cổ phần NovaGroup và 35% giá trị cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer đang được nắm giữ bởi các cổ đông lớn (được đảm bảo đồng thời cho khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed tại Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH).
 - Khoản vay bằng USD của Công ty Cổ phần Anova Feed với số tiền 10.000.000 USD theo hợp đồng ký ngày 10 tháng 12 năm 2020 để tài trợ cho dự án xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi. Khoản vay có thời hạn 5 năm với lãi suất từ 4,89%/năm và được đảm bảo bằng 99,99% trị giá cổ phần của Công ty Cổ phần Anova Feed và 30% trị giá cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer, máy móc thiết bị và bất động sản của Công ty Cổ phần Anova Feed tại Đồng Nai (Thuyết minh số V.10 và V.12).

(ii) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê 48 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết tài sản thuê được quy định theo từng hợp đồng.

(iii) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê 36 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết tài sản thuê được quy định theo từng hợp đồng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn tổ chức	332.443.750.000	224.206.250.000	108.237.500.000	-
Nợ thuê tài chính	12.486.558.086	-	12.486.558.086	-
Cộng	344.930.308.086	224.206.250.000	120.724.058.086	-

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số đầu năm				
Vay dài hạn tổ chức	433.332.900.000	212.026.650.000	221.306.250.000	-
Nợ thuê tài chính	13.608.227.483	-	13.608.227.483	-
Cộng	446.941.127.483	212.026.650.000	234.914.477.483	-

23. Dự phòng phải trả

23a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng xây dựng cơ bản dở dang nhà máy đường ăn kiêng Phú Yên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số sử dụng trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.098.606.805	283.900.202	(538.428.258)	(183.682.067)	2.660.396.682
Dự phòng hoàn nguyên môi trường	2.826.883.430	235.575.000	-	-	3.062.458.430
Cộng	5.925.490.235	519.475.202	(538.428.258)	(183.682.067)	5.722.855.112

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	
Số đầu năm	5.091.757.392
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	14.550.056.810
Chi quỹ	(15.013.296.316)
Giảm khác	(96.422.952)
Số cuối kỳ	4.532.094.934

25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả chủ yếu liên quan đến loại trừ dự phòng phát sinh khi hợp nhất. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	58.503.034.478	100.856.337.148
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	2.931.052.801	(48.182.946.854)
Số cuối kỳ	61.434.087.279	52.673.390.294

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**26. Vốn chủ sở hữu****26a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	69.831.535.979	1.227.637.626.401	69.161.692.662	2.987.300.735.489
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	(74.006.791.389)	(493.530.949)	(74.500.322.338)
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	1.156.468.261	(12.884.758.780)	(3.343.828.331)	(15.072.118.850)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	(59.892.162.500)	(13.659.423.034)	(73.551.585.534)
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	(10.495.674.713)	(10.495.674.713)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	2.866.080.251	-	2.866.080.251
Số dư cuối kỳ trước	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	70.988.004.240	1.083.719.993.983	41.169.235.635	2.816.547.114.305
Số dư đầu năm nay	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	70.988.004.240	224.549.770.748	20.517.703.946	1.936.725.359.361
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	64.535.338.960	12.396.637.995	76.931.976.955
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	1.000.689.471	(13.629.222.690)	(1.921.523.591)	(14.550.056.810)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	(12.473.423.414)	(12.473.423.414)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(385.944.371)	-	(385.944.371)
Số dư cuối kỳ này	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	71.988.693.711	275.069.942.647	18.519.394.936	1.986.247.911.741

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

26b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang	785.873.850.000	785.873.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A	164.389.210.000	164.389.210.000
Các cổ đông khác	247.580.190.000	247.580.190.000
Cộng	1.197.843.250.000	1.197.843.250.000

Các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 07/2024/NQ-ĐHĐCĐ-NCG ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Công ty mẹ, các cổ đông đã thông qua việc không thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty mẹ đã được phê duyệt năm 2023. Mặt khác, Công ty mẹ đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu cho người lao động ESOP năm 2024 của Công ty mẹ với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành không quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty mẹ tại thời điểm phát hành, thời gian thực hiện chậm nhất đến quý II năm 2025.

26c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	119.784.325	119.784.325
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu phổ thông	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu phổ thông	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 160.688 USD (số đầu năm là 266.429 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	634.418.535.693	516.371.189.410
Doanh thu bán thành phẩm	2.700.927.607.047	2.888.667.717.362
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.535.101.519	1.795.914.238
Doanh thu khác	286.017.924	1.778.318.887
Cộng	3.339.167.262.183	3.408.613.139.897

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không có phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	231.712.484.565	212.066.063.821
Hàng bán bị trả lại	1.625.332.055	10.526.119
Giảm giá hàng bán	2.472.449.108	1.748.434.105
Cộng	235.810.265.728	213.825.024.045

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	514.793.275.104	464.359.777.387
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.194.190.217.664	2.414.690.733.628
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.333.850.629	708.673.160
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(5.523.224.215)	(3.879.945.048)
Cộng	2.705.794.119.182	2.875.879.239.127

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	707.901.225	2.345.855.787
Lãi tiền cho vay	32.528.798.827	30.626.826.455
Cổ tức, lợi nhuận được chia	77.977.240	-
Lãi CLTG phát sinh	2.281.947.735	5.925.967.912
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	451.487.224
Chiết khấu thanh toán	349.944.583	-
Doanh thu tài chính khác	500.000	88.082.691
Cộng	35.947.069.610	39.438.220.069

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	65.433.224.098	80.381.915.884
Lãi mua hàng trả chậm	235.183.884	-
Chiết khấu thanh toán cho người mua	2.110.262.914	2.091.566.564
Lỗ CLTG phát sinh	8.757.472.024	4.975.125.336
Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	680.814.283	15.340.112.472
Lỗ thoái vốn tại công ty con	-	38.954.336.493
Chi phí tài chính khác	2.163.925.872	16.011.986.885
Cộng	79.380.883.075	157.755.043.634

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	71.741.993.324	55.873.585.476
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.390.406.591	1.383.659.423
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	59.824.405.925	57.557.378.538
Chi phí vận chuyển	6.076.272.119	8.436.749.029
Chi phí thuê	7.813.137.726	12.334.486.017
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.001.346.210	9.941.678.647
Các chi phí khác	26.465.630.463	21.969.092.867
Cộng	183.313.192.358	167.496.629.997

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	67.326.083.888	73.439.490.163
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.645.073.544	2.352.663.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.677.202.879	15.445.866.208
Phân bổ lợi thế thương mại	8.146.201.905	13.712.061.431
(Hoàn nhập) Dự phòng phải thu khó đòi	(41.060.622.027)	(2.767.862.490)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.002.637.792	9.671.715.350
Các chi phí khác	29.640.893.824	12.832.814.958
Cộng	88.377.471.805	124.686.749.246

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	257.986.531	1.453.285.388
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	22.492.000	558.304.304
Tiền thưởng, quà biếu tặng	174.269.750	230.016.156
Thu nhập khác	1.717.032.943	278.862.858
Cộng	2.171.781.224	2.520.468.706

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	766.266.033	1.048.922.010
Các khoản bị phạt	271.938.929	21.048.539.541
Chi phí khác	2.341.978.528	151.473.589
Cộng	3.380.183.490	22.248.935.140

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	64.535.338.960	(74.006.791.389)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	64.535.338.960	(74.006.791.389)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	119.784.325	119.784.325
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>539</u>	<u>(618)</u>

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.811.364.450.056	2.013.114.974.474
Chi phí nhân công	543.682.839.501	460.266.049.898
Chi phí khấu hao TSCĐ và lợi thế thương mại	74.603.897.799	88.467.721.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	334.461.170.246	277.268.178.952
Chi phí khác	253.384.831.605	238.835.950.734
Cộng	<u>3.017.497.189.207</u>	<u>3.077.952.875.536</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Công ty là một công ty cổ phần. Chi tiết của các công ty con và công ty liên kết như trong Thuyết minh 1. Chi tiết của các bên liên quan và mối quan hệ như sau:

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cam kết bảo lãnh

Các cổ đông lớn dùng 35% cổ phần thuộc sở hữu của mình tại Công ty mẹ để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH (Thuyết minh số V.22).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.22.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Hội đồng quản trị	2.532.238.734	2.599.550.000
Thù lao của Ban quản lý	1.862.130.842	3.275.422.824
Ông Nguyễn Quang Phi Tín	1.862.130.842	2.360.274.000
Các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc	-	915.148.824
Thù lao của các thành viên quản trị chủ chốt khác	320.053.703	278.940.000
Cộng	4.714.423.279	6.153.912.824

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang	Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A	Cổ đông
Foremost Worldwide Limited	Cổ đông
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần thuốc Thú y Trung ương VET VA CO	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch khác phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang		
Chi cổ tức	-	39.293.692.500
Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A		
Chi cổ tức	-	8.219.460.500
Foremost Worldwide Limited		
Chi cổ tức	-	6.386.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6a và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau. Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu ở trong nước và theo đó, Tập đoàn không trình bày thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý.

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sức khỏe vật nuôi: Sản xuất, mua bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.
- Lĩnh vực thức ăn chăn nuôi: Sản xuất, thương mại thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Lĩnh vực này bao gồm cả mảng trang trại của Công ty Cổ phần Anova Feed.
- Lĩnh vực trang trại: Chăn nuôi gia súc.
- Lĩnh vực thực phẩm: Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Kỳ này	Sức khỏe vật nuôi	Thức ăn chăn nuôi	Trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	635.446.023.489	1.870.565.929.395	320.343.722.000	276.412.701.571	588.620.000	-	3.103.356.996.455
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	120.658.161.619	182.659.915.987	2.078.980.000	4.495.317.871	15.640.540.000	(325.532.915.477)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	756.104.185.108	2.053.225.845.382	322.422.702.000	280.908.019.442	16.229.160.000	(325.532.915.477)	3.103.356.996.455
Giá vốn hàng bán	603.276.592.761	1.844.326.106.573	346.529.148.334	213.613.794.274	4.370.065.252	(306.321.588.012)	2.705.794.119.182
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	152.827.592.347	208.899.738.809	(24.106.446.334)	67.294.225.168	11.859.094.748	(19.211.327.465)	397.562.877.273
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(271.690.664.163)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							125.872.213.110
Doanh thu hoạt động tài chính							35.947.069.610
Chi phí tài chính							(79.380.883.075)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	21.243.172.690						21.243.172.690
Thu nhập khác							2.171.781.224
Chi phí khác							(3.380.183.490)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(22.703.477.565)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							(2.837.715.549)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							76.931.976.955

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ trước							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	593.080.898.241	2.052.123.805.277	280.158.897.594	269.177.485.509	247.029.231	-	3.194.788.115.852
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	161.525.365.825	211.785.382.820	10.376.503.400	533.243.329	7.297.811.541	(391.518.306.915)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	754.606.264.066	2.263.909.188.097	290.535.400.994	269.710.728.838	7.544.840.772	(391.518.306.915)	3.194.788.115.852
Giá vốn hàng bán	585.189.744.532	2.085.704.408.410	338.512.904.595	231.977.597.414	6.115.437.344	(371.620.853.168)	2.875.879.239.127
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	169.416.519.534	178.204.779.687	(47.977.503.601)	37.733.131.424	1.429.403.428	(19.897.453.747)	318.908.876.725
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(292.183.379.243)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							26.725.497.482
Doanh thu hoạt động tài chính							39.438.220.069
Chi phí tài chính							(157.755.043.634)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết							20.199.652.275
Thu nhập khác							-
Chi phí khác							2.520.468.706
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(22.248.935.140)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							(31.973.221.725)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							48.593.039.629
							(74.500.322.338)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Số cuối kỳ	Sức khỏe vật nuôi	Thức ăn chăn nuôi	Trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	793.432.625.481	2.007.942.975.201	211.362.806.044	1.134.980.374.911	-	(2.300.812.926.942)	1.846.905.854.695
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	793.432.625.481	2.007.942.975.201	211.362.806.044	1.134.980.374.911	-	(2.300.812.926.942)	1.846.905.854.695
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	256.276.956.886	954.697.139.346	164.724.735.555	275.012.095.493	-	(187.806.736.384)	1.462.904.190.896
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	256.276.956.886	954.697.139.346	164.724.735.555	275.012.095.493	-	(187.806.736.384)	1.462.904.190.896
							352.526.733.701
							1.815.430.924.597
Số đầu năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	793.863.218.566	2.044.721.704.971	280.159.479.890	1.064.758.944.754	-	(2.224.379.563.139)	1.959.123.785.042
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	793.863.218.566	2.044.721.704.971	280.159.479.890	1.064.758.944.754	-	(2.224.379.563.139)	1.959.123.785.042
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	249.470.754.283	1.042.564.676.669	189.560.333.815	253.667.471.104	-	(149.576.837.664)	1.585.686.398.207
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	249.470.754.283	1.042.564.676.669	189.560.333.815	253.667.471.104	-	(149.576.837.664)	1.585.686.398.207
							353.588.821.191
							1.939.275.219.398

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngoài các sự kiện tại thuyết minh số V.26b, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm Người lập



TP. HCM, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Nguyễn Quang Phi Tín
Tổng Giám đốc

